

## 尼崎市立学校施設耐震化状況一覧表（令和2年4月1日現在）

※「耐震化状況」欄の「○」は新耐震もしくは耐震性のある建物、「◎」は補強済もしくは改築済を表す。

### 小学校①

学校名	建物名	耐震化状況	Is値		備考	構造	階数	建築年次	面積（㎡）
			補強前	補強後					
明城小	本校舎	○		新耐震	新耐震	RC	4	H9	4,910
	給食室棟	◎		新耐震	H23改築済	S	1	H23	377
	体育館	◎	0.12	1.03	H25補強済	RC	2	S40	812
難波小	本校舎	○		新耐震	H22改築済	RC	3	H22	4,155
	北東棟	◎	0.50	0.75	H19補強済	RC	3	S11	2,620
	給食室棟	○	0.91	—	耐震性あり	S	1	S45	209
	体育館	◎	0.14	0.89	H24補強済	RC	2	S49	839
竹谷小	南棟	○		新耐震	新耐震	RC	3	H5	822
	本校舎	◎	0.64	0.75	H20補強済	RC	3	S9	4,453
	体育館	◎	0.49	0.76	H25補強済	RC	2	S40	873
下坂部小	給食室棟	○	0.75	—	耐震性あり	RC	1	S54	219
	北棟	◎	0.47	0.85	H19補強済	RC	3	S11	3,053
	南棟	◎	0.10	0.76	H22補強済	RC	4	S46	1,430
	東棟	◎	0.28	0.76	H23補強済	RC	3	S38	1,380
	東便所棟	◎	0.63	0.91	H23補強済	RC	2	S41	131
	西便所棟	◎	0.67	0.86	H23補強済	RC	2	S44	164
	体育館	◎	0.23	0.75	H25補強済	RC	2	S41	808
潮小	北東棟	○		新耐震	新耐震	RC	3	S58	241
	給食室棟	○		新耐震	新耐震	RC	1	S58	292
	南棟	○		新耐震	*新耐震	RC	3	S52	2,001
	北棟	◎	0.27	0.76	H21補強済	RC	3	S34	2,268
	体育館	◎	0.22	0.82	H25補強済	RC	2	S40	810
長洲小	給食室棟	○	0.82	—	耐震性あり	RC	1	S55	275
	北棟	◎	0.23	0.76	H27補強済	RC	3	S10	3,097
	東棟	◎	0.25	0.78	H27補強済	RC	3	S43	1,826
	体育館	◎	0.41	0.86	H27補強済	RC	2	S41	810
清和小	東棟	○		新耐震	新耐震	RC	4	S58	2,820
	給食室棟	○		新耐震	新耐震	RC	1	S58	245
	西棟	◎	0.38	0.76	H27補強済	RC	3	S38	688
	便所棟	○	1.07	—	耐震性あり	RC	2	S54	120
	体育館	◎	0.31	0.77	H27補強済	RC	2	S40	812
杭瀬小	本校舎	○		新耐震	H19改築済	RC	3	H19	6,700
	給食室棟	○		新耐震	H19改築済	RC	1	H19	338
	体育館	◎	0.23	1.47	H19補強済	RC	2	S40	809
浦風小	給食室棟	○		新耐震	新耐震	RC	1	S60	238
	北棟	◎	0.23	0.76	H22補強済	RC	3	S36	1,912
	便所棟	◎	0.48	0.77	H22補強済	RC	2	S36	120
	南棟	○		新耐震	H27改築済	S	3	H27	2,158
	体育館	◎	0.16	0.99	H26補強済	RC	2	S40	810
金楽寺小	給食室棟	○		新耐震	H24改築済	S	2	H24	502
	管理棟（屋体共）	◎	0.11	1.14	H23補強済	RC	3	S43	1,870
	便所棟	◎	0.53	0.73	H23補強済	RC	2	S51	112
	南西棟	◎	0.21	0.71	H23補強済	RC	4	S41	1,743
	南東棟	○		新耐震	H26改築済	RC	4	H26	3,607
浜小	西北棟	○	0.72	—	耐震性あり	RC	3	S53	270
	特別教室棟	◎	0.30	0.78	H21補強済	RC	3	S37	688
	西南棟	◎	0.18	0.75	H23補強済	RC	4	S41	2,143
	北棟	◎	0.11	0.76	H25補強済	RC	4	S44	3,356
	給食室棟	◎	0.14	0.84	H25補強済	S	1	S44	216
	体育館	◎	0.56	0.83	H24補強済	RC	2	S40	893

小学校②

学校名	建物名	耐震化状況	Is値		備考	構造	階数	建築年次	面積 (㎡)
			補強前	補強後					
大庄小	便所棟	○	0.95	—	耐震性あり	RC	2	S54	84
	北棟	◎	0.38	0.83	H27補強済	RC	3	S8	3,595
	南東棟	◎	0.56	0.77	H27補強済	RC	3	S11	2,486
	南西棟	◎	0.40	0.79	H27補強済	RC	3	S41	958
	給食室棟	○	0.70	—	耐震性あり	RC	1	S48	220
	体育館	◎	0.31	1.33	H27補強済	RC	2	S45	825
成文小	給食室棟	○	新耐震		新耐震	RC	1	S59	134
	東棟	◎	新耐震		H26改築済	RC	4	H26	251
	渡廊下棟	◎	新耐震		H26改築済	S	4	H26	180
	西棟	◎	0.45	0.75	H26補強済	RC	4	S53	2,885
	体育館	◎	0.05	0.89	H26補強済	RC	2	S39	2,549
成徳小	給食室棟	○	1.14	—	耐震性あり	RC	1	S49	220
	本校舎	◎	0.19	0.77	H26補強済	RC	3	S41	3,826
	西便所棟	◎	0.59	0.81	H26補強済	RC	2	S41	172
	東便所棟	◎	0.51	0.77	H26補強済	RC	3	S46	231
	体育館	◎	0.27	0.77	H26補強済	RC	2	S37	926
大島小	電気機械室棟	○	新耐震		新耐震	RC	2	S61	78
	給食室棟	○	新耐震		新耐震	RC	1	S56	263
	東棟	◎	0.34	0.75	H24補強済	RC	4	S46	1,002
	西棟	◎	0.51	0.78	H24補強済	RC	4	S50	1,741
	北棟	○	新耐震		H26改築済	RC	4	H26	2,885
	体育館	◎	0.24	0.84	H27補強済	RC	2	S39	806
浜田小	北便所棟	○	0.75	—	耐震性あり	RC	3	S48	244
	南棟	◎	0.31	0.77	H23補強済	RC	4	S50	1,712
	南便所棟	◎	0.29	0.76	H23補強済	RC	3	S50	141
	北東棟 (新校舎)	◎	新耐震		H27改築済	RC	3	H27	2,200
	北西棟	◎	0.38	0.77	H26補強済	RC	4	S47	2,533
	給食室棟	◎	0.68	0.88	H26補強済	RC	1	S48	220
	体育館	◎	0.08	0.76	H26補強済	RC	2	S39	919
立花小	北棟	◎	新耐震		H26改築済	RC	3	H26	4,538
	南棟	◎	新耐震		H26改築済	RC	3	H26	3,832
	体育館	◎	0.40	1.14	H25補強済	RC	2	S55	809
立花南小	南西棟	○	新耐震		新耐震	RC	2	S58	439
	機械室棟	○	1.39	—	耐震性あり	RC	1	S47	219
	北東棟	◎	0.42	0.77	H21補強済	RC	4	S47	2,256
	便所棟	◎	0.31	0.79	H21補強済	RC	4	S47	366
	南棟	◎	0.62	0.76	H22補強済	RC	4	S48	1,235
	管理棟 (屋体共)	◎	0.07	0.76	H23補強済	RC	4	S47	3,136
	給食室棟	◎	0.60	0.72	H24補強済	RC	1	S47	220
立花西小	北機械室棟	○	新耐震		新耐震	RC	2	S59	153
	北棟	○	0.90	—	耐震性あり	RC	4	S41	3,706
	便所棟	○	1.23	—	耐震性あり	RC	3	S41	273
	南棟	○	0.88	—	耐震性あり	RC	4	S43	2,844
	給食室棟	◎	新耐震		H27改築済	S	1	H27	383
	体育館	◎	0.19	0.97	H23補強済	RC	2	S42	808
立花北小	南棟	○	新耐震		新耐震	RC	1	S58	266
	管理棟 (屋体共)	◎	0.25	0.76	H25補強済	RC	4	S52	3,746
	北棟	◎	0.41	0.75	H25補強済	RC	4	S52	2,497
	給食室棟	◎	0.37	0.84	H25補強済	RC	1	S53	240
名和小	東棟	○	新耐震		新耐震	RC	4	S57	1,536
	給食室棟	○	0.76	—	耐震性あり	RC	1	S55	259
	北棟	◎	新耐震		H27改築済	RC	3	H27	2,763
	南棟	◎		0.75	H22補強済	RC	4	S52	2,493
	便所棟	◎		0.95	H22補強済	RC	3	S53	275
	体育館	◎	0.22	0.87	H27補強済	RC	2	S40	808

小学校③

学校名	建物名	耐震化状況	Is値		備考	構造	階数	建築年次	面積 (㎡)
			補強前	補強後					
塚口小	西北棟	◎	0.28	0.76	H22補強済	RC	3	S43	999
	北棟	◎	0.31	0.75	H25補強済	RC	3	S38	3,475
	便所棟	◎	0.40	0.76	H25補強済	RC	3	S38	249
	南東棟 (渡り廊下等含む)	○	新耐震		H26改築済	RC	3	H26	1,909
	東棟	◎	0.43	0.77	H26補強済	RC	3	S45	1,126
	体育館	◎	0.20	0.78	H25補強済	RC	2	S40	808
尼崎北小	南棟	◎	新耐震		H22改築済	RC	3	H22	2,947
	東北棟	◎	0.21	0.75	H24補強済	RC	4	S43	2,825
	東南棟	◎	0.44	0.85	H24補強済	RC	4	S53	748
	給食室棟	○	新耐震		H26改築済	S	1	H26	295
	特別教室棟	◎	0.29	0.76	H27補強済	RC	3	S46	626
	体育館	◎	0.09	0.85	H27補強済	RC	2	S37	1,079
水堂小	北棟	◎	新耐震		H26改築済	RC	2	H26	4,817
	南棟	◎	新耐震		H26改築済	RC	1	H26	559
	東棟	◎	0.21	0.75	H26補強済	RC	3	S41	1,224
	体育館	◎	0.17	0.79	H25補強済	RC	2	S40	808
七松小	西棟	○	新耐震		新耐震	RC	4	S57	1,863
	給食室棟	○	0.80	—	耐震性あり	RC	1	S56	262
	北棟	○	0.71	—	耐震性あり	RC	4	S51	1,860
	西南棟	◎	0.29	0.81	H25補強済	RC	3	S41	688
	東北棟	◎	0.31	0.76	H25補強済	RC	3	S38	688
	東棟	◎	0.45	0.76	H25補強済	RC	3	S40	689
	体育館	◎	0.23	0.75	H25補強済	RC	2	S40	810
武庫小	給食室棟	○	0.73	—	耐震性あり	RC	1	S54	289
	中東棟	◎	0.37	0.77	H20補強済	RC	3	S12	2,263
	中西棟	◎	0.39	0.75	H20補強済	RC	3	S39	954
	南棟	◎	0.20	0.76	H22補強済	RC	3	S40	2,505
	南便所棟	◎	0.62	0.75	H22補強済	RC	3	S46	286
	北棟	◎	0.41	0.75	H24補強済	RC	3	S47	1,331
	北便所棟	◎	0.49	0.76	H24補強済	RC	3	S48	323
	体育館	◎	0.19	0.95	H24補強済	RC	2	S43	808
武庫北小	北棟	○	0.79	—	耐震性あり	RC	4	S42	2,938
	東便所棟	○	0.72	—	耐震性あり	RC	3	S50	245
	南棟	○	0.99	—	耐震性あり	RC	4	S45	3,189
	西便所棟	○	0.72	—	耐震性あり	RC	3	S42	176
	特別教室棟	◎	0.39	0.76	H25補強済	RC	4	S50	716
	給食室棟	◎	新耐震		H27改築済	RC	1	H27	417
	体育館	◎	0.25	0.78	H25補強済	RC	2	S43	808
武庫南小	給食室棟	○	0.99	—	耐震性あり	RC	1	S45	300
	南棟	○	0.76	—	耐震性あり	RC	4	S45	3,997
	北西棟	◎	0.36	0.79	H22補強済	RC	4	S50	861
	北東棟	◎	0.17	0.75	H25補強済	RC	3	S49	1,261
	渡り廊下棟	◎	0.13	0.75	H25補強済	RC	4	S45	496
	体育館	◎	0.31	0.82	H25補強済	RC	2	S45	816
武庫東小	北棟	○	新耐震		H25改築済	RC	4	H25	2,324
	西棟	○	新耐震		H25改築済	RC	4	H25	3,328
	南棟	○	新耐震		H25改築済	RC	4	H25	2,127
	渡り廊下棟	○	新耐震		H25改築済	RC	2	H25	97
	体育館	◎	0.20	0.76	H24補強済	RC	2	S40	808
武庫庄小	西棟	○	新耐震		新耐震	RC	4	S58	904
	給食室棟	○	1.58	—	耐震性あり	RC	1	S49	510
	管理棟 (屋体共)	◎	0.13	0.87	H23補強済	RC	4	S48	3,015
	北東棟	◎	0.44	0.76	H24補強済	RC	4	S49	1,262
	南棟	◎	0.40	0.76	H24補強済	RC	4	S51	1,425
	便所棟	◎	0.28	0.83	H24補強済	RC	3	S49	147
武庫の里小	南棟	○	新耐震		新耐震	RC	4	S56	1,508
	給食室棟	○	0.70	—	耐震性あり	RC	1	S56	241
	管理棟 (屋体共)	◎	0.33	0.76	H24補強済	RC	4	S56	2,987
	北東棟	◎	0.57	0.78	H24補強済	RC	4	S56	2,376

小学校④

学校名	建物名	耐震化状況	Is値		備考	構造	階数	建築年次	面積 (㎡)
			補強前	補強後					
園田小	中棟	◎	0.29	0.72	H22補強済	RC	4	S44	2,110
	南便所棟	◎	0.21	0.77	H23補強済	RC	4	S45	452
	南棟	◎	0.25	0.75	H21補強済	RC	4	S42	3,059
	本校舎	◎	新耐震		H27改築済	RC	4	H27	3,341
	給食室棟	◎	0.57	0.79	H27補強済	RC	1	S45	297
	体育館	◎	0.31	0.99	H27補強済	RC	2	S40	808
園田北小	南棟	◎	0.45	0.74	H23補強済	RC	4	S47	2,258
	給食室棟	◎	0.30	0.83	H23補強済	RC	2	S48	545
	管理棟 (屋体共)	◎	0.10	0.80	H24補強済	RC	3	S48	2,934
園和小	東棟	◎	新耐震		H27改築済	RC	3	H27	1,962
	西棟	◎	新耐震		H27改築済	RC	4	H27	9,134
園和北小	西南棟	○	新耐震		新耐震	RC	4	S56	536
	渡り廊下棟	○	0.86	—	耐震性あり	RC	2	S45	63
	管理棟 (屋体共)	◎	0.58	0.82	H23補強済	RC	2	S45	1,876
	北棟	◎	0.41	0.76	H22補強済	RC	4	S45	2,272
	南棟	◎	0.46	0.77	H23補強済	RC	4	S45	1,611
	西棟	◎	0.53	0.72	H22補強済	RC	4	S46	2,103
	給食室棟	◎	0.65	0.74	H26補強済	RC	1	S45	276
園田東小	校舎棟	◎	新耐震		H27改築済	RC	3	H27	4,778
	体育館	◎	0.25	0.89	H27補強済	RC	2	S40	808
上坂部小	管理棟 (屋体共)	◎	0.11	0.89	H24補強済	RC	4	S44	2,368
	北西棟	○	新耐震		H25改築済	RC	3	H25	4,521
	北東棟	○	新耐震		H25改築済	RC	3	H25	1,210
小園小	北棟	○	0.70	—	耐震性あり	RC	4	S42	3,136
	南中棟	○	0.88	—	耐震性あり	RC	4	S43	1,155
	南東棟	○	0.88	—	耐震性あり	RC	4	S44	880
	南西棟	○	0.73	—	耐震性あり	RC	4	S47	747
	給食室棟	◎	新耐震		H23改築済	S	1	H23	385
	便所棟	◎	0.27	0.89	H26補強済	RC	3	S42	189
園田南小	体育館	◎	0.32	0.8	H26補強済	RC	2	S43	816
	南西棟	○	新耐震		新耐震	RC	4	S57	1,022
	給食室棟	○	1.18	—	耐震性あり	RC	1	S55	240
	管理棟 (屋体共)	◎	0.25	0.76	H23補強済	RC	4	S55	3,607
	南東棟	◎	0.51	0.75	H23補強済	RC	4	S55	1,601
	便所棟	◎	0.39	0.75	H23補強済	RC	3	S55	156

適正規模・適正配置事業の対象となる小学校

学校名	建物名	耐震化状況	Is値		備考	構造	階数	建築年次	面積 (㎡)
			補強前	補強後					
難波の梅小	北棟	◎	新耐震		H27改築済	RC	4	H27	1,698
	西棟	◎	新耐震		H27改築済	RC	4	H27	4,408
	南棟	◎	新耐震		H27改築済	RC	3	H27	2,410
	体育館	◎	新耐震		H27改築済	RC	2	H27	1,322
わかば西小	北棟	◎	新耐震		H29改築済	RC	4	H29	4,563
	西棟	◎	新耐震		H29改築済	RC	2	H29	1,347
	給食室棟	○	新耐震		新耐震	RC	1	S58	241
	体育館	◎	新耐震		H29改築済	RC	4	H29	1,094

中学校①

学校名	建物名	耐震化状況	Is値		備考	構造	階数	建築年次	面積 (㎡)
			補強前	補強後					
成良中	東棟	◎		新耐震	H18改築済	RC	2	H18	1,814
	西棟	◎		新耐震	H18改築済	RC	4	H18	4,964
	体育館	◎	0.23	0.90	H18補強済	RC	2	S37	1,079
中央中	東南棟	○		新耐震	新耐震	RC	3	S59	1,004
	食堂棟	○		新耐震	新耐震	RC	1	H6	600
	東便所棟	○	0.77	—	耐震性あり	RC	3	S44	259
	西便所棟	○	0.72	—	耐震性あり	RC	3	S48	259
	北東棟	◎	0.27	0.77	H18補強済	RC	3	S39	916
	北中棟	◎	0.36	0.75	H20補強済	RC	4	S43	2,632
	北西棟	◎	0.40	0.82	H20補強済	RC	4	S46	1,518
	体育館	◎	0.30	0.98	H20補強済	RC	2	S37	1,455
日新中	西棟	○		新耐震	新耐震	RC	3	S59	1,010
	北棟	◎	0.14	0.75	H21補強済	RC	3	S34	2,638
	南東棟	◎	0.26	0.75	H23補強済	RC	3	S35	1,468
	南中棟	◎	0.40	0.76	H23補強済	RC	3	S51	600
	南西棟	◎	0.22	0.75	H23補強済	RC	3	S40	833
	体育館	◎	0.15	0.76	H25補強済	RC	2	S37	1,079
小田北中	技術室棟	○	1.35	—	耐震性あり	RC	1	S49	291
	北棟	◎	0.37	0.79	H25補強済	RC	4	S46	3,024
	中棟	◎	0.23	0.75	H25補強済	RC	4	S46	910
	南棟	◎	0.41	0.76	H25補強済	RC	4	S46	2,457
	体育館	◎	0.12	0.77	H25補強済	RC	2	S48	1,360
大成中	東南棟	○		新耐震	新耐震	RC	3	S56	1,095
	技術室棟	○		新耐震	新耐震	RC	1	S59	338
	東北棟	○	0.77	—	耐震性あり	RC	3	S53	371
	北棟	◎	0.31	0.78	H18補強済	RC	3	S35	3,268
	特別教室棟	◎	0.31	0.75	H22補強済	RC	4	S45	845
	東便所棟	◎	0.53	0.88	H26補強済	RC	2	S35	136
	西便所棟	◎	0.55	1.03	H26補強済	RC	2	S38	136
	体育館	◎	0.13	1.16	H22補強済	RC	2	S37	1,079
大庄北中	本校舎	○		新耐震	H24改築済	RC	2	H24	2,577
	南棟	◎	0.33	0.75	H21補強済	RC	3	S36	2,472
	東棟	◎	0.44	0.81	H22補強済	RC	3	S47	611
	技術室棟	◎	0.04	0.87	H25補強済	S	1	S40	255
	体育館	◎	0.14	1.03	H25補強済	RC	2	S37	1,079
	立花中	中棟	○		新耐震	新耐震	RC	4	H9
機械室棟	○		新耐震	新耐震	RC	2	S60	139	
技術室棟	○	1.20	—	耐震性あり	RC	1	S50	291	
南棟	◎	0.20	0.75	H21補強済	RC	3	S40	2,546	
北棟	◎	0.18	0.80	H25補強済	RC	3	S45	1,359	
便所棟	◎	0.48	0.79	H25補強済	RC	3	S49	168	
体育館	◎	0.13	1.00	H25補強済	RC	2	S36	1,079	
塚口中	技術室棟	○		新耐震	新耐震	RC	1	S61	259
	倉庫	○		新耐震	新耐震	RC	2	S59	241
	北東棟	◎	0.33	0.78	H22補強済	RC	4	S42	1,236
	東棟	◎	0.32	0.72	H22補強済	RC	4	S45	960
	特別教室棟	◎		新耐震	H27改築済	RC	6	H27	2,390
	普通教室棟	◎		新耐震	H27改築済	RC	4	H27	2,901
	体育館	◎	0.21	0.76	H26補強済	RC	2	S42	1,079
	武庫中	機械室棟	○		新耐震	新耐震	RC	2	S60
北東棟	◎	0.29	0.78	H23補強済	RC	4	S45	3,392	
渡り廊下棟	◎	0.44	0.76	H23補強済	RC	3	S46	157	
南棟	◎	0.41	0.76	H26補強済	RC	3	S37	3,887	
北西棟	◎	0.39	0.78	H26補強済	RC	4	S37	539	
技術室棟	○		新耐震	H26改築済	S	1	H26	264	
体育館	◎	0.28	0.77	H26補強済	RC	2	S37	1,079	

中学校②

学校名	建物名	耐震化状況	Is値		備考	構造	階数	建築年次	面積 (㎡)
			補強前	補強後					
南武庫之荘中	食堂棟	○	新耐震		新耐震	RC	1	H6	398
	渡り廊下棟	○	0.74	—	耐震性あり	RC	2	S47	578
	技術室棟	○	1.01	—	耐震性あり	RC	1	S47	286
	管理棟 (屋体共)	◎	0.17	0.75	H22補強済	RC	4	S47	1,964
	北東棟	◎	0.50	0.75	H24補強済	RC	4	S47	2,826
	南西棟	◎	0.46	0.79	H24補強済	RC	4	S49	2,468
	南東棟	◎	0.49	0.75	H24補強済	RC	4	S56	686
	東便所棟	◎	0.36	0.83	H24補強済	RC	3	S56	147
武庫東中	南西棟	○	新耐震		新耐震	RC	4	S56	1,016
	技術室棟	○	1.18	—	耐震性あり	RC	1	S51	308
	電気室棟	○	0.76	—	耐震性あり	RC	1	S51	258
	管理棟 (屋体共)	◎	0.18	0.78	H24補強済	RC	4	S51	3,919
	南東棟	◎	0.38	0.75	H25補強済	RC	4	S51	1,965
	南中棟	◎	0.45	0.75	H25補強済	RC	4	S56	618
常陽中	管理棟 (屋体共)	○	新耐震		新耐震	RC	5	S56	5,634
	南棟	○	新耐震		新耐震	RC	5	S58	1,784
	便所棟	○	新耐震		新耐震	RC	3	S57	146
	技術室棟	○	新耐震		新耐震	RC	1	S56	338
園田中	特別教室棟	○	新耐震		新耐震	RC	3	S61	628
	技術室棟	○	0.84	—	耐震性あり	RC	1	S46	270
	西棟	◎	0.80	0.80	H24補強済	RC	4	S47	2,615
	東棟	○	新耐震		H26改築済	RC	4	H26	2,735
	南東棟	◎	新耐震		H27改築済	RC	4	H27	1,327
	体育館	◎	0.22	0.78	H25補強済	RC	2	S46	1,167
園田東中	東棟	○	新耐震		新耐震	RC	3	S61	1,430
	北棟	◎	新耐震		H23改築済	RC	3	H23	6,002
	体育館	◎	0.38	0.78	H25補強済	RC	2	S38	1,079
小園中	東南棟	○	新耐震		新耐震	RC	4	S61	360
	東エレベーター棟	○	新耐震		新耐震	S	5	H10	60
	北エレベーター棟	○	新耐震		新耐震	S	5	H10	125
	南エレベーター棟	○	新耐震		新耐震	S	5	H10	116
	機械室棟	○	0.99	—	耐震性あり	RC	2	S51	173
	技術室棟	○	0.76	—	耐震性あり	RC	1	S51	418
	南棟	◎	0.50	0.83	H26補強済	RC	4	S53	2,285
	管理棟 (屋体共)	◎	0.49	0.75	H26補強済	RC	4	S51	3,955
	北棟	◎	0.40	0.76	H26補強済	RC	4	S52	1,088
	琴城分校	歴史博物館 1F(東)	◎	0.11	0.76	R元補強済	RC	3	S8

適正規模・適正配置事業の対象となる中学校

学校名	建物名	耐震化状況	Is値		備考	構造	階数	建築年次	面積 (㎡)
			補強前	補強後					
小田中	技術室棟	○	1.12	—	耐震性あり	S	1	S54	291
	西棟	◎	新耐震		H29改築済	RC	4	H29	3,094
	北棟	◎	新耐震		H29改築済	RC	3	H29	1,496
	南棟	◎	新耐震		H29改築済	RC	4	H29	2,954
	体育館	◎	新耐震		H29改築済	RC	4	H29	1,279
大庄中	校舎棟	○	新耐震		H21改築済	RC	3	H21	6,792
	体育館	○	新耐震		H21改築済	RC	2	H21	1,588
	技術室棟	○	1.71	—	耐震性あり	RC	1	S49	256

### 高等学校

学校名	建物名	耐震化状況	Is値		備考	構造	階数	建築年次	面積 (㎡)
			補強前	補強後					
尼崎高	管理棟	○		新耐震	新耐震	RC	7	H9	13,999
	特別教室棟	○		新耐震	新耐震	RC	2	S58	707
	第2体育館	○		新耐震	新耐震	RC	6	H11	11,754
	屋内練習場	○		新耐震	新耐震	S	1	H11	612
尼崎双星高	西棟	○		新耐震	新耐震	RC	3	H22	2,785
	管理棟	○		新耐震	新耐震	RC	5	H22	14,096
	実習棟南館	○		新耐震	新耐震	RC	5	H22	7,356
	実習棟中館	○		新耐震	新耐震	RC	4	H22	2,279
	実習棟北西館	○		新耐震	新耐震	RC	2	H22	894
	実習棟北東館	○		新耐震	新耐震	RC	2	H22	935

### 尼崎市立定時制高等学校の再編の対象となる高等学校

学校名	建物名	耐震化状況	Is値		備考	構造	階数	建築年次	面積 (㎡)
			補強前	補強後					
琴ノ浦高	南棟	◎	0.11	0.81	H26補強済	RC	3	S10	4,384
	北棟	◎	0.29	0.75	H25補強済	RC	3	S10	1,006
	新校舎	○		新耐震	H26改築済	S	1	H26	1,041
	食堂棟	○		新耐震	H25改築済	S	1	H25	867
	体育館	◎	0.18	0.80	H25補強済	RC	2	S43	1,079

### 幼稚園

園名	建物名	耐震化状況	Is値		備考	構造	階数	建築年次	面積 (㎡)
			補強前	補強後					
竹谷幼	園舎	◎	0.36	0.75	H25補強済	RC	2	S49	603
長洲幼	園舎	◎	0.62	0.8	H27補強済	RC	2	S46	581
大島幼	園舎	◎	0.52	0.77	H27補強済	RC	2	S42	595
立花幼	園舎	○		新耐震	新耐震	RC	2	S56	935
塚口幼	園舎	◎	0.48	0.72	H27補強済	RC	2	S47	661
武庫幼	園舎	○		新耐震	新耐震	RC	2	S57	924
園田幼	園舎	◎	0.42	0.76	H25補強済	RC	2	S46	632
園和北幼	園舎	○		新耐震	新耐震	RC	2	S58	580
小園幼	園舎	◎	0.40	0.8	H27補強済	RC	2	S45	595

### 特別支援学校

学校名	建物名	耐震化状況	Is値		備考	構造	階数	建築年次	面積 (㎡)
			補強前	補強後					
あまよう	北棟・体育館	○		新耐震	H30改築済	RC	3	H30	5,057
	南棟	○		新耐震	H30改築済	RC	3	H30	3,396